

Quan niệm vạn vật bằng hữu - một biểu hiện của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại

Trần Thị Minh¹

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Email: tranthiminhs2@gmail.com

Nhận ngày 4 tháng 1 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 2 năm 2021.

Tóm tắt: Trên cơ sở tiếp thu cái nhìn, thế giới quan của đồng dao, thơ thiếu nhi hiện đại đã khắc họa nên bức tranh thế giới phong phú, nhiều màu sắc. Trong thế giới đó, tất cả vạn vật đều được nhân cách hóa, có tiếng nói, có tâm hồn. Chúng đứng bên nhau, tương tác với nhau trên tinh thần bè bạn, trở thành bạn của trẻ thơ. Đặc biệt, trong khi miêu tả, các tác giả đã chuyển hóa đặc điểm nhận thức cũng như những nét tâm lý của trẻ em vào các đối tượng, mở ra cảm quan về thế giới trong sự gần gũi, đa dạng. Đó là thế giới vạn vật bằng hữu thể hiện tâm hồn trẻ thơ chưa bị chi phối bởi những quan niệm nhân sinh như người lớn. Thế giới ấy không tồn tại định kiến, sự phân biệt thứ bậc rạch ròi. Tất cả đều bình đẳng, gắn bó với nhau bằng tình thân ái.

Từ khóa: Đồng dao, thơ thiếu nhi, quan niệm vạn vật bằng hữu.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: On the basis of absorbing the view and the worldview of *đồng dao*, or children's folk verses, the modern poetry for children has depicted a rich and colourful picture of the world. In that world, all things are personified, with voices and souls. They stand by and interact with each other in the spirit of friends, becoming children's friends. In particular, while describing, the authors have transformed the cognitive characteristics and psychological traits of children into objects, opening up the sense of the world in intimacy and diversity. It is the world where all things are friends, that expresses the soul of a child, which has not been controlled by the notions on human life like those of an adult. In that world do not exist prejudices or clear distinctions of hierarchy. All the members are equal, attached to each other by affection.

Keywords: *Đồng dao*, poetry for children, the concept that all things are friends.

Subject classification: Literature

1. Mở đầu

Nếu quan niệm “vạn vật hữu linh” là đặc điểm nổi bật của tư duy thần thoại thì quan niệm “vạn vật bằng hữu” là một trong những đặc điểm quan trọng của tư duy đồng dao. Tựa như cái nhìn của người nguyên thủy, trẻ em chưa có sự phân biệt chủ thể - khách thể, ta - thể giới bên ngoài rành mạch như người lớn. Theo đó, thể giới tự nhiên khúc xạ qua tâm hồn thơ ngây của các em dường như cũng có những thuộc tính của thể giới con người. Với trẻ thơ, không tồn tại ranh giới phân chia giữa thể giới của ta - ngoại vật. Trong con mắt quan sát, trí tưởng tượng dồi dào của các em, vạn vật không chỉ sống động, có hồn (vạn vật hữu linh) mà tất cả đều trở nên gần gũi, có thể trở thành bầu bạn, trò chuyện với nhau (vạn vật bằng hữu). Vạn vật bằng hữu có thể hiểu là tất cả các sự vật, hiện tượng đều có thể trở thành bạn của con người, bạn của trẻ thơ. Với tâm hồn trong sáng và trí tuệ non nớt đang ở giai đoạn đầu của việc nhận thức thể giới, các em có khả năng kì lạ trong việc nhập thân vào mọi đối tượng miêu tả đến mức như đang cùng sống, cùng cảm thông với chúng. Xuất phát từ quan niệm vạn vật bằng hữu, cây cối, hoa lá, loài vật hay các hiện tượng tự nhiên bỗng thành bạn bè, cùng hát, cùng vui với các em. Hoa nhọ nôi hay ăn vụng. Hoa vòng xoay hay múa. Quả khế chua nói cạnh nói khế. Quả hồng biết nói ngọt xót. Nhìn con chích chòe đang hót, các em hát: “Chích chòe chích chòe/ Mà hót tao nghe/ Mà ru tao ngủ/ Tao ngủ cho say!...”. Bắt được con cào cào, các em muốn sai khiến nó: “Cào cào giả gạo tao xem/ Tao may áo đỏ, áo đen cho mày”. Ngay cả trăng, sao dù cao vời vợi nhưng vẫn có những sợi

dây vô hình gắn bó với sinh hoạt của những đứa trẻ dưới mặt đất. Các em gọi ông sao xuống chơi cho “có bầu có bạn” rồi rủ ông sao đi ẵm em, đánh cá, vo gạo, múc nước, ăn cơm. Bất ngờ hơn, các em nghe được cả tiếng ông sao ăn khoai “nhai tộp tộp”, ông cũng biết “ghép với rau”. Ông trăng cũng vậy, ông cũng được mời xuống, cùng tham gia vào hoạt động của các em một cách vui vẻ: “Ông trăng ông trăng/ Xuống chơi với tôi/ Có bầu có bạn...”. Vũ trụ huyền bí, cao siêu, nhiều điều bí ẩn, khó lí giải ngay đối với người lớn nhưng với trẻ thơ lại rất giản dị, thân tình, gần gũi. Trong thơ thiếu nhi hiện đại, quan niệm này cũng đóng vai trò quán xuyến, chi phối đến việc xây dựng bức tranh thể giới, cụ thể là: thể giới thân thiện, gần gũi; thể giới bình đẳng, không định kiến; thể giới yêu thương, nâng đỡ, làm đẹp cho nhau. Bài viết tìm hiểu quan niệm vạn vật bằng hữu - một biểu hiện của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại².

2. Thể giới thân thiện, gần gũi

Nhà tâm lý học Vygotski (Nga) và Piaget (Thụy Sĩ) khi nghiên cứu tâm lý trẻ em đều lưu ý rằng, tuy trong tư duy của trẻ chưa có logic của ý tưởng nhưng đã có logic của hành động thống trị. Piaget gọi đó là thuyết “tự kỉ trung tâm”, trẻ luôn lấy mình làm trung tâm để nhìn nhận, giao tiếp với thể giới. Với trí tưởng tượng phong phú và cái nhìn dân chủ, chúng tự tạo cho mình một thể giới riêng, trong đó vạn vật được nhìn nhận như những người bạn, từ cây cỏ, loài vật, đồ vật gần gũi hàng ngày đến vũ trụ rộng lớn, tất cả dường như không có

khoảng cách, đều có thể thành bè bạn của trẻ thơ.

Trước hết là tình bạn trong thế giới cỏ cây, hoa lá phong phú, đa dạng. Xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp nên trẻ em Việt Nam, nhất là trẻ em nông thôn rất gần gũi với thiên nhiên. Trong đồng dao, dường như không có sự cách biệt giữa thiên nhiên với trẻ em, ngược lại giữa chúng luôn có mối giao hòa thân thiết. Qua đôi mắt trẻ thơ, thiên nhiên của các em trước hết là chị Lúa, chị Ngô, cô Đậu nành, anh Dưa chuột... Các loài hoa, trái phong phú, đa dạng chen nhau, đứng cạnh nhau mang đến ấn tượng về thế giới bè bạn đông đúc, vui tươi. Về hoa, có hàng trăm loài, loài nào cũng có màu sắc, dáng vẻ riêng: “Vác bóng mà soi/ Là hoa bông giềng/ Hay bay hay liệng/ Là hoa chim chim/ Xuống nước mà chìm/ Là hoa bông đá...”. Về trái, đủ cả hương vị bốn mùa, cách tri nhận về quả/ trái cũng khá độc đáo: “Trong ruột ọc ạch/ Là trái dứa xiêm/ Ở khắp xóm giềng/ Là trái bí rợ/ Mẹ sai đi chợ/ Vốn thiệt trái dâu...”. Về rau, đây là mùi vị “Ăn hơi tanh tanh/ Là rau diếp cá/.../ Ăn cay như ớt/ Vốn thiệt rau răm...”. Đây là những tên rau liên hệ với thói xấu của con người: “Thú ở hồn hào/ Là rau ngành ngành/ Trong lòng bắt chính/ Vốn thiệt tâm lang...”.

Nếu đồng dao có những bài về hoa, về quả, về rau thì thơ thiếu nhi cũng xây dựng cho mình một khu vườn bách thảo trong đó cỏ cây, hoa trái được miêu tả chân thực, sinh động, nhiều màu sắc, dáng hình, nhiều hương vị hấp dẫn. Chúng bao gồm nhiều loại, đến từ những không gian, vùng miền khác nhau dâng hoa thơm quả ngọt và sắc màu xanh tươi cho cuộc sống. Có những loại cây quen thuộc, trẻ vẫn thấy hàng ngày như *Mít*, *Dứa*,

Lựu, *Na*, *Sầu riêng*, *Củ cà rốt*, *Bắp cải xanh* (Phạm Hổ), *Cây hoa quỳ vườn em* (Trần Mạnh Hảo), *Hoa giấy*, *Trái chín* (Đặng Hân), *Cây cau*, *Cây gòn*, *Cây ngô*, *Cây xoan* (Nguyễn Lâm Thắng)... Có những loại cây được các tác giả gọi tên một cách hình tượng, trở nên lạ lẫm, kích thích trí tò mò của các em như *Mặt trời xanh của tôi* (Nguyễn Việt Bình), *Cây bè bạn* (Trần Mạnh Hảo), *Cây nhóm lửa* (Nguyễn Thái Dương), *Hoa học thâm* (Hoàng Tá), *Trứng treo*, *trứng nằm* (Lê Hồng Thiện)... Mỗi bài thơ như một cánh cửa mở sẵn đưa các em đến với thiên nhiên kì thú.

Cỏ cây, hoa lá bầu bạn với các em, mang đến cho các em cái nhìn mới mẻ cũng như niềm vui khám phá thế giới kì diệu xung quanh. Trong *Trái chín*, Đặng Hân dẫn các em đi tham quan vườn hoa trái phong phú đủ đặc sản ba miền: “Cô bạn thanh long/ Chín màu hồng phấn/ Tàn nhang lấm chàm/ Chín trái chuối tiêu/ Trái cóc, trái điều/ Chín màu cỏ úa...”. Từng loại quả lần lượt hiện ra với vẻ đẹp khi chín rất riêng. Cách miêu tả thể hiện sự quan sát tinh tường nhưng rất đời hồn nhiên của tác giả. Lời thơ hóm hỉnh, dễ thương, phù hợp với lứa tuổi, tâm sinh lí trẻ em nên không còn sự khô khan của cách kể liệt kê đơn thuần.

Với cái nhìn ngộ nghĩnh, thế giới thực vật vốn tĩnh khi đi vào đồng dao đều trở nên có tri giác và cùng hoạt động theo trí tưởng tượng của trẻ thơ. Trong thơ thiếu nhi, thiên nhiên cũng thường được thể hiện ở trạng thái động như vậy. Điều này phù hợp với tâm lí trẻ nhỏ, thích những cái sinh động hơn là sự vật tĩnh. Cảnh khu vườn nhà quen thuộc, hoa trái chen nhau có thể không xa lạ với nhiều người nhưng trong mắt nhìn ngơ ngác của các em đã mở ra những cảnh tượng mới: “Xoài “bé” em trên cao/ Mít

“gùi” em dưới gốc/ Quả chẳng giống tí nào/
Xoài trơn, mít gai góc” (*Bạn trong vườn
xanh* - Nguyễn Lâm Thắng).

Nguyễn Lâm Thắng nhìn thấy cây cối cũng có hoạt động và mối quan hệ họ hàng như con người: “Đụng vào là ngủ/ Ấy em Ngủ Ngày/ Bạn của thợ may/ Đứng là chị Vải/ Thân mềm không trái/ Là ả Mía xanh/ Đẻ trứng trên cành/ Là cây Trứng cá/ Suốt ngày khâu vá/ Là thím Cỏ may...” (*Đồng dao cây*). Tác giả đã thiết lập được mối quan hệ giữa tên gọi của cây và đặc tính được nói đến, rất gần với tư duy dẫn dắt của đồng dao: “Hỏi Hán sang Hồ/ Là nàng hoa sứ/ Gìn lòng nắm giữ/ Là hoa từ bi...”. Mỗi tên cây đều gợi nên sự gần gũi, hòa đồng dù đó là loài quen hay lạ. Với cách này, trẻ em được kích thích trí tưởng tượng, thỏa sức có những liên hệ kì lạ hoặc liên tưởng xa hơn nữa.

Tình bạn trong thế giới loài vật ngộ nghĩnh, đáng yêu được các tác giả thể hiện qua những vần thơ hồn nhiên, dí dỏm. Điều kiện khí hậu nhiệt đới khiến thiên nhiên nước ta tươi đẹp, sinh vật phong phú. Sống hòa đồng với thiên nhiên, trẻ em các vùng miền dẫn dắt từ chim chóc, muông thú đến các sinh vật của ao hồ, sông biển vào đồng dao, kết bạn, vui hát với chúng. Những bài về cá, về chim... truyền miệng qua không gian, thời gian để ngày nay, đâu đâu trên đất nước Việt Nam, các em cũng có thể có cả “bộ sưu tập” sinh động về chim trời, cá biển. Về về cá là bản thống kê đủ loại phong phú: “Đi đường phải tránh/ Là con cá mương/ Mập béo không xương/ Là con cá nục/ Được nhiều điểm phúc/ Là con cá hạnh...”. Sống động nhất “làng chim” với âm thanh véo von: “Hay la hay hát/ Là con bồ chao/ Hay bay bổ nhào/ Là con bói cá...”.

Nói tiếp đồng dao, thơ viết cho các em ngoài thế giới thiên nhiên, cỏ cây hoa lá quyền rũ còn có cả một thế giới động vật phong phú, nói như nhà thơ Ngô Quân Miện, đó quả là “một vườn bách thú”. Khu vườn ấy là nơi tụ hội của những con vật đến từ những không gian, môi trường khác nhau: từ vật nuôi trong gia đình (chó, mèo, trâu, bò, lợn, gà...) đến những con vật sống trong rừng (hươu, nai, hổ, voi, cáo, khỉ...), những loài chim trời (vàng anh, vẹt, sẻ, bồ câu...) và cả những con vật sống ở môi trường nước (cá, chẫu chàng, ếch nhái...). Chúng nhộn nhịp, ríu rít như một xã hội trẻ con luôn luôn náo động, đầy ắp tiếng nói, tiếng cười, tiếng hát. Các em gặp trong đó những người bạn đáng yêu như *Chú bò tìm bạn*, *Sáo đậu lưng trâu*, *Chơi ú tim*, *Gấu đen*, *Ngỗng* và *vịt...* (Phạm Hổ), *Chú chẫu chàng*, *Những nghệ sĩ...* (Võ Quảng), *Mè hoa lượn sóng* (Thạch Quý), *Con chó và con mèo*, *Gọi bạn* (Định Hải)... Điều này cho thấy người sáng tác đặc biệt am hiểu tâm lý trẻ, biết chúng luôn có khát vọng khám phá thế giới rất lớn. Các em muốn giao hòa cùng muôn loài. Đây là nhu cầu thiết thực, là đòi cánh chấp thêm cho trẻ trên con đường đi đến tương lai.

Những bài thơ dung dị mở ra trước trẻ một thế giới mới cần khám phá, chiếm lĩnh. Đó là thế giới của “những người bạn nhỏ” với những câu chuyện vừa gần gũi vừa mới lạ, hấp dẫn để rồi bạn đọc thích thú khi gặp lại tuổi thơ của chính mình. Đặc biệt, những con vật không đứng riêng lẻ mà có bạn có bầy, gắn bó nhau bởi tình bằng hữu, *Sáo đậu lưng trâu* (Phạm Hổ) là bức tranh tình bạn đẹp như thế: “Thách anh trâu đấy/ Đánh được sáo đen!/ Anh quật đuôi lên/ Sáo sà xuống đất/ Anh quay

sừng húc/ Sáo lại lên lưng/ Sáo mổ tứ tung/ Là anh thua nhé!”.

Bài thơ khắc họa hình ảnh chim sáo tinh nghịch, nhanh nhẹn, đáng mến và chú trọng hiền lành trong những trò chơi thú vị. Hai con vật đối lập nhau về hình dáng nhưng chơi với nhau như những người bạn thân một phần vì trò chơi của chúng chẳng bao giờ phân thắng bại.

Sự gần gũi với loài vật cùng sự quan sát tỉ mỉ còn giúp nhà thơ phát hiện ra tình cảm gắn bó giữa mèo và tro bếp - điều có lẽ ít ai để ý đến: “Tro bếp làm đậm/ Mèo ta khoanh tròn/ Cả hai cùng ấm/ Cùng ngủ thật ngon” (*Mèo và tro bếp* - Phạm Hồ).

Giữa chó và mèo có phải chỉ là sự gầm gừ đuổi bắt không ngừng như trong câu thành ngữ “Cắn nhau như chó với mèo”. Trong suy nghĩ của trẻ nhỏ không có sự bất đồng ấy, ngược lại chúng là những người bạn vô cùng thân thiết: “Con chó và con mèo/ Hai đứa rất thân nhau/ Khi ra sân vào bếp/ Lúc tha thẩn bờ ao” (*Con chó và con mèo* - Định Hải). Chó và Mèo nào có ghét nhau, chúng cùng chơi ú tim đầy hào hứng. Chó trốn Mèo nên nấp vào khe tủ, Mèo bắt ngờ phát hiện ra cái đuôi Chó đang phe phẩy dưới chân tủ đó. Ai khó tính lắm khi đọc bài thơ cũng phải bật cười vì sự ngộ nghĩnh trẻ thơ của các con vật: “Chó vẫn thú vị lắm/ Cứ nhe răng ra cười/ “Không! Mình nấp giỏi thật/ Lỗi chỉ tại cái đuôi” (*Chơi ú tim* - Phạm Hồ). Cái lí lẽ thoát nghe có vẻ vô lí nhưng thực ra lại hoàn toàn có lí bởi nó phù hợp với logic ngây thơ, đúng với tâm lí dễ tin, dễ hồ hởi trước mọi điều của trẻ. Nếu không yêu trẻ, không giữ cho mình cách nhìn của trẻ, có lẽ khó có thể tái hiện lại trò chơi thú vị cùng lí lẽ trẻ thơ đáng yêu đến vậy.

Xuất phát từ thế giới quan vạn vật bằng hữu, những đồ vật nhỏ bé cũng được nhân cách hóa trở thành “những người bạn im lặng” mà tốt bụng. So với thế giới thiên nhiên và loài vật, đồ vật xuất hiện trong đồng dao ít hơn, chủ yếu là những công cụ sản xuất gắn với công việc nhà nông hoặc góp mặt trong đời sống mỗi gia đình nơi thôn dã ngày xưa như: kéo, cày, thuổng, lò, nà, rá vo gạo, bình vôi, thìa ốc, đòn gánh... Những đồ vật này phần lớn được nói đến theo phương thức liệt kê, ví dụ: “Cái kéo thợ may/ Cái cày làm ruộng/ Cái thuổng đắp bờ/ Cái lò thả cá/ Cái nà bắn chim...”. Có khi kể đan xen tả nhưng thành phần miêu tả không nhiều, ví dụ: “Đầu trục lông lóc/ Là cái bình vôi/ Cái miệng loe môi/ Là cái thìa ốc...”. Đến thơ thiếu nhi hiện đại, viết về đồ vật trở thành mảng sáng tác phong phú. Với cái nhìn hóm hỉnh của đồng dao xưa, thơ viết cho các em đã tái hiện cả một thế giới đồ vật vừa gần gũi vừa mới mẻ, gắn với đời sống con người thời hiện đại. Đặc biệt, thành phần miêu tả phối hợp các biện pháp tu từ được gia tăng... góp phần tạo nên sự hấp dẫn.

Viết về những người bạn đồ vật, các tác giả không chỉ dừng lại ở việc nhận biết hay gọi tên đơn thuần mà còn hiểu rõ đặc điểm, tính cách riêng của từng người bạn. Bạn thước kẻ chỉ (*Thước* - Phạm Hồ), bạn chổi điệu đà (*Chổi* - Phạm Hồ), bạn dao và kéo biết yêu ông đá mài (*Dao và kéo* - Phạm Hồ), cầu chì biết bắc cầu cho điện qua (*Cầu chì* - Phạm Hồ)...

Từ thực tế “cái rế nó bế cái nôi”, Phạm Hồ đã tạo nên một câu chuyện về tình bạn: “Ôm lấy nôi lấy cháo/ Rế như cái đài hoa/ Cháo, nôi đang bận nấu/ Rế ngồi bên đợi chờ” (*Rế*). Định được miêu tả đầy yêu mến từ hình dáng đến công dụng: “Chân nhọn

đầu tà/ Thân hình thẳng tuột/ Chôn mình vào cột/ Chôn mình vào tường/ Cho chị treo gương/ Cho em treo ảnh” (*Đinh* - Phạm Hồ). Nếu chỉ dừng lại ở tả thực, cái đinh mới hiện lên là một đồ vật với những đặc điểm vốn có của nó. Ba câu cuối bài thơ, tác giả thực sự nhìn thấy ở đinh cảm xúc như một con người: “Xong rồi, hóm hỉnh/ Đinh ta tươi tỉnh/ Nhô đầu nhìn quanh” (*Đinh* - Phạm Hồ). Đinh giống như một cậu bé tinh nghịch, hóm hỉnh và tốt bụng, sẵn sàng hi sinh vì người khác.

Và một người bạn đặc biệt nữa là xe chữa cháy: “Mình đỏ như lửa/ Bụng chứa nước đầy/ Tôi chạy như bay/ Hết vang đường phố” (*Xe chữa cháy* - Phạm Hồ). Phạm Hồ để cho người bạn này xuất hiện thật ấn tượng. Xe chữa cháy tự giới thiệu về mình: mình đỏ rực, bụng chứa đầy nước, chạy nhanh như bay, đặc biệt là tiếng hét “vang đường phố” có thể khiến mọi người e sợ. Nhưng khi biết nhiệm vụ của xe chữa cháy, nhất là tinh thần nhiệt tình với công việc của cậu thì ai cũng quý mến người bạn “ồn ào” này: “Nhà nào bốc lửa/ Tôi dập liền tay/ Ai gọi chữa cháy/ Có ngay! Có ngay!” (*Xe chữa cháy* - Phạm Hồ).

Với cái nhìn dí dỏm, Nguyễn Lãm Thắng giúp các em cảm nhận tình bạn thân thiết giữa chìa khóa và ổ khóa. Mỗi lần chìa bôn ba theo chủ cả tháng dài, khoá ở nhà nhớ bạn “xót xa”. Chìa về, khoá vui rạng rỡ: “Ôm chằm lấy chìa/ Lay lay... cửa mở” (*Đôi bạn*).

Bằng tưởng tượng phóng khoáng, trẻ em không chỉ kết bạn với thế giới gần gũi hàng ngày mà còn tìm đến một thế giới xa, rộng hơn, bao gồm cả các hiện tượng bí ẩn trong vũ trụ. Trong đồng dao, từ mây, gió đến các vì sao xa xôi hay mặt trăng sáng tỏ đều

được các em mô tả, gọi tên: *Gọi trăng, Gọi nắng, Hồi trăng sao, Xin mưa, Gọi mưa, Gọi gió, Ông giăng ông giăng, Đêm sao...* Đồng dao có rất nhiều bài phản ánh về các hiện tượng này, thể hiện cảm quan vũ trụ đơn giản, hồn nhiên của trẻ. Gần gũi, hấp dẫn nhất với các em có lẽ là trăng, sao.

Nếu trong ca dao, trăng, sao thường mang nặng nỗi niềm tâm trạng: “Hôm qua ra đứng bờ ao/ Trông cá cá lặn trông sao sao mờ” hay “Trăng bao nhiêu tuổi trăng già/ Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non”... thì trong câu hát đồng dao, hình ảnh trăng sao qua tư duy trẻ thơ lại trở thành người bạn thân thiết với các em. Trăng, sao dù cao vợi vợi nhưng vẫn có những sợi dây vô hình gắn bó với sinh hoạt của trẻ thơ. Các em có thể mời trăng, sao xuống chơi cho “có bầu có bạn”: “Ông sảo, ông sao/ Ông vào cửa sổ/ Ông ở với tôi/ Ông ngồi lên chiếu”. Các ông sao có thể vào ngay “cửa sổ” và “ngồi lên chiếu” tự nhiên như bạn cố tri. Ông sao cũng chỉ là trẻ nhỏ, cần ăn no chóng lớn: “Tôi biếu củ khoai/ Ông nhai tộp tộp/ Ông ghép với rau/ Ăn mau chóng lớn...”. Đó là cách đối đãi thân tình giữa những đứa trẻ với nhau, cảm giác như không có gì cách biệt. Thơ thiếu nhi hiện đại cũng có nhiều tác phẩm được gọi cảm hứng từ hai hình ảnh trong không gian vũ trụ này. Học tập cách nhìn thế giới bằng nhãn quan bè bạn thân thiện, sẻ chia của tư duy đồng dao, các tác giả đã thổi linh hồn vào trăng, sao để chúng có thể làm bạn, hòa nhập với sinh hoạt vui chơi cùng các em. Có thể dẫn ra những bài thơ tiêu biểu như: *Ông sao* (Thi ca bình dân), *Ngàn sao làm việc, Mời xuống đây chơi* (Võ Quảng), *Trăng sáng* (Nhược Thủy), *Sao* (Quang Huy), *Trăng sáng sân nhà em, Trăng ơi từ đâu đến, Trông trăng,*

Trăng tròn... (Trần Đăng Khoa), *Ông trăng qua núi, Trăng Mã Pì Lèng* (Dương Thuần), *Trăng, Ông trăng* (Ngô Thị Bích Hiền), *Ông trăng ơi!* (Nguyễn Lãm Thắng), *Trăng khuyết, Trăng thương* (Phan Tuy An)...

Các em từng gặp trong đồng dao những ông sao mà tính nết không khác gì trẻ nhỏ, cũng có lúc làm biếng, bị mẹ đánh đòn: “Ông khóc ông cười/ Ông lười đi trâu/ Mẹ ông đánh đau/ Ông ngồi ông khóc”. Thơ thiếu nhi cũng xuất hiện ông sao hay vôi quả bánh, giặm hồn, khóc lóc: “Ông sao ông sao/ Bụng đói như cào/ Đòi ăn bánh đúc/ Cùi dừa bún ốc/ Đòi ỏi đòi ngô/ Chẳng có ai cho/ Ông ngồi ông khóc” (*Ông sao*-Trích *Thi ca bình dân* [2, tr.641]).

Bên cạnh hình ảnh sao, hình ảnh trăng trong đồng dao cũng được khắc họa với vẻ đẹp tươi sáng, trong trẻo, dịu dàng. Có lẽ các em quan sát thấy trăng treo ngay trên đầu, rất gần về khoảng cách nên càng gần gũi, thân thiết về tình cảm. Các em yêu quý trăng như người bạn của mình và cất tiếng gọi trăng rất hồn nhiên: “Ông trăng ông trăng/ Xuống chơi với tôi/ Có bầu có bạn/ Có ván cơm xôi/ Có nồi cơm nếp/ Có nếp bánh chưng...” hay “Ông trăng ông xuống/ Chơi với cậu tôi/ Cậu tôi cho mỗ/ Xuống chơi nôi chõ/ Nôi chõ cho vung...”.

Trong thơ thiếu nhi, vầng trăng hiện lên cũng với dáng vẻ thân thương ấy. Để lại ấn tượng sâu đậm nhất là trăng trung thu gắn với những kỉ niệm của tuổi ấu thơ. Trăng vừa bình dị vừa quyến rũ, ban phát vẻ đẹp cho cảnh vật khiến tất cả đều phải trầm trồ, ngợi ca, chiêm ngưỡng. Trăng gần gũi với tuổi thơ nên được các bạn nhỏ mời xuống rước đèn: “Tất cả gọi: Trăng đẹp!/ Mời xuống đây chơi/ Trăng Trung Thu nhận lời/ Xuống tham gia rước đuốc/ Đèn Ông Trăng nhịp bước/ Đèn

Ông Sao bước theo/ Tất cả nổi mừng reo/ Lượn giữa trời trăng sáng” (*Mời xuống đây chơi* - Võ Quảng). Trăng cũng như trẻ thơ, muốn cùng các em dạo chơi trong thế giới thần tiên: “Em đi trăng theo bước/ Như muốn cùng đi chơi” (*Trăng sáng* - Nhược Thủy).

Với những em nhỏ sống ở vùng cao, gần với thiên nhiên hùng vĩ, trăng như người bạn tri kỉ lâu năm, không quản ngại mỗi tháng băng qua núi về thăm bản làng một lần. Trăng về mang theo ánh sáng rực rỡ, huyền ảo phủ lên núi non trùng điệp, tô điểm thêm cho những rừng đào, rừng mơ, rải ánh vàng lên suối. Trăng về mang theo cả sự náo nức chờ trông của bấy trẻ mong đến tết trung thu: “Ông chưa bao giờ sai hẹn/ Tháng nào cũng đến một lần/ Trung thu nhớ bấy trẻ nhỏ/ Đêm rằm ông lại tới thăm” (*Ông trăng qua núi* - Dương Thuần). Trăng treo trên đỉnh Mã Pì Lèng huyền thoại nhưng không xa xôi mà vô cùng thân thiện, hòa nhập với cuộc sống trẻ thơ: “Một bàn tay vẫy/ Đứng tới trăng rồi/ Bạn mời trăng xuống/ Trăng đến từng nhà/ Trăng đi vào lớp/ Cùng hát bài ca...” (*Trăng Mã Pì Lèng* - Dương Thuần).

Trước trăng, các em muốn xóa nhòa khoảng cách, mời gọi trăng xuống cùng vui chơi ca hát bằng tấm lòng trong trắng và thành thực: “Ông trăng ơi!/ Xuống đây chơi/ Cùng với bé/ Đừng lặng lẽ/ Trên trời cao/ Xuống đây nào/ Cùng múa hát!/ Ông trăng ơi/ Xuống đây chơi/ Đêm sáng quá!/ Đừng vội vã/ Nấp vào mây/ Hãy xuống đây/ Cùng phá cỗ” (*Ông trăng ơi* - Nguyễn Lãm Thắng). Lời thơ giản dị như khúc đồng dao cất lên trong đêm rằm tháng Tám vừa cho thấy niềm vui hân hoan của tuổi thơ vừa biểu hiện nét độc đáo có lẽ chỉ có trong tư duy trẻ nhỏ. Đó là khuynh hướng nhất thể hóa thế giới, đồng nhất thế giới ta - ngoại vật một cách hồn nhiên.

Vui chơi dưới ánh trăng sáng, trăng trong, Ngô Thị Bích Hiền nhìn trăng mà liên tưởng tới nhiều hình ảnh khác nhau: “Giống chiếc thuyền trôi/ Giống chiếc điều căng/ Giống chiếc lưới liềm/ Tròn như quả bóng” (*Trăng*). Trăng tỏa ánh sáng giúp bà con thôn xóm rộn rã đập lúa, các em thiếu nhi thì nắm tay nhau ca hát dưới trăng: “Ông trăng của em/ Là ông trăng vàng/ Ông trăng xóm làng/ Là ông trăng sáng” (*Trăng*). Trăng không chỉ đẹp mà trăng còn thật có ích, xứng đáng được mến yêu. Vì thế, lời mời gọi của các em cất lên nghe thật thiết tha: “Ông trăng ơi!/ Mời ông xuống chơi/ Phá cỗ” (*Trăng*). Người bạn thiên nhiên và các em nhỏ như hòa đồng cùng nhịp vui chơi, sẽ chia niềm vui giản dị. Có thể nói, sự trong sáng của tâm hồn trẻ thơ như một hạt nhân đã tìm được sự hòa điệu với sức liên tưởng nghệ thuật đưa người đọc đến những phát hiện bất ngờ. Hình ảnh trăng, sao mọc mọc, bình dị từ câu hát đồng dao đã đến với các bạn nhỏ hôm nay bằng cái nhìn mới mẻ và sự sáng tạo riêng độc đáo của mỗi nhà thơ.

Như vậy, nhãn quan vạn vật bằng hữu (một phương diện của tư duy đồng dao) đã được các nhà thơ thiếu nhi vận dụng để sáng tạo nên thế giới hồn nhiên, trong sáng trong thơ viết cho các em. Dưới nhãn quan ấy, mọi ranh giới đều bị xóa bỏ, chỉ còn lại một thế giới duy nhất: thế giới của bạn bè.

3. Thế giới bình đẳng, không định kiến

Gắn bó với thiên nhiên, tạo vật, đồng dao thể hiện nhãn quan bè bạn thân thiện, bình đẳng khi hướng về thế giới xung quanh. Với tâm hồn trong sáng và trí tuệ non nớt

đang ở giai đoạn đầu của việc nhận thức thế giới, các em có khả năng kì lạ trong việc nhập thân vào mọi đối tượng miêu tả đến mức như đang cùng sống, cùng cảm thông với chúng. Các em thương con nghé mãi chơi lạc mẹ: “Hươ con nghé nhỏ/ Lạc đàn theo chó/ Lạc ngõ theo trâu/ Nghe mẹ rống đầu/ Đăm đầu mà chạy/ Hươ con nghé nhỏ/ Ham chơi xa đàn lạc mẹ”. Qua tư duy ngộ nghĩnh của các em, những con vật như kì đà, các kè, kì nhông... cũng trở thành một gia đình: “Kì đà là cha các kè/ Các kè là mẹ kì nhông/ Kì nhông là ông cả cường/ Cả cường là dượng kì đà/ Kì đà là cha các kè”. Đọc hết bài ca, ta không thể tìm ra ai là địa vị cao nhất. Ý tưởng dân chủ được trình bày ngộ nghĩnh.

Khác với người lớn, khi trải qua nhiều sóng gió cuộc đời, trẻ em hồn nhiên, trong sáng nên tâm hồn các em không tồn tại định kiến hay ý muốn phán xét điều gì. Con người chỉ có định kiến khi họ trải nghiệm quá nhiều hay chứng kiến nhiều mặt trái còn trẻ nhỏ thì không như vậy. Chính vì thế, thế giới được tạo lập trong văn học thiếu nhi nói chung, thơ thiếu nhi nói riêng không có sự phân biệt hay phân lập thành các phạm trù gay gắt mà hoàn toàn bình đẳng theo nguyên tắc ứng xử dựa trên tình thân nhân ái, sự trân trọng, bao dung. Có thể nói đó là một hành tinh ấu nhi, “chỉ xây cất bằng vật liệu nhẹ” mà thôi [6].

Không bị đóng khung trong những định kiến cứng nhắc nên trẻ đối xử với vạn vật rất công bằng, nhìn vạn vật với tình cảm yêu mến. Các em có thể vui cùng *Hội Chuột* (Thi ca bình dân), *May áo cho mèo* (Phùng Ngọc Hùng), *Viết thư cho mèo*, *Đan áo cho búp bê* (Định Hải), chia sẻ vất vả

với *Anh bù nhìn*, *Bác chửi chà* (Nguyễn Lâm Thắng), làm bạn với *Con cóc* (Nguyễn Lâm Thắng)... Trong suy nghĩ của những đứa trẻ, chúng không phải là loài vật, đồ vật vô tri mà cũng như những em nhỏ cần bàn tay chăm sóc, vỗ về. Các em yêu búp bê bởi búp bê không bao giờ quấy khóc, lại biết giữ sạch tay. Thương búp bê trong mùa đông lạnh nên “Chúng em góp len đồ/ Đan áo tặng búp bê” (*Đan áo cho búp bê* - Định Hải). Các em không tin bù nhìn rơm vô tích sự bởi thương bù nhìn không quản nắng mưa giúp người đứng canh trên đồng ruộng: “Ai bảo anh bù nhìn/ Là đồ vô tích sự/ Em không tin không tin/ Còn thương anh nữa chứ” (*Anh bù nhìn* - Nguyễn Lâm Thắng). Các em thương cả bác chửi chà đã già nhưng vẫn làm việc cần mẫn: “Quét rác hết/ Mới nghỉ ngơi/ Chửi chà ơi!/ Thương bác lắm!” (*Bác chửi chà* - Nguyễn Lâm Thắng).

Với người lớn, có thể những con vật nhỏ bé như chuột, cóc bị coi là loài bẩn thỉu, hôi hám, không đáng lưu tâm nhưng với cái nhìn hóm hỉnh kiểu trẻ thơ, những loài vật ấy lại được miêu tả rất sống động, đáng yêu. Những chú chuột cũng như các em, thích vui chơi nên tung bưng mở hội: “Làng chuột mở hội/ Chuột múa sư tử/ Chuột đi rước đèn/ Thổi kèn đánh trống/ Đây, đám đánh vật/ Kia, chỗ đánh đu/ Ông Mèo tới xem/ Chuột biểu con cá” (*Hội Chuột*, Trích *Thi ca bình dân* [1, tr.639]). Các em yêu quý cóc bởi người bạn đó rất có ích và xưng hô với cóc như với một người bạn thân tình: “Trời đang nắng trưa/ Bỗng dưng tối mịt/ Mưa đâu rồi rít/ Khắp ngã kéo về/ Ai nấy hả hê/ Đồng không thiếu nước!/ Đất trời quạt mát/ Lúa tốt bờ bờ/ Con Cóc mày ơi/ Báo mưa giỏi thật!” (*Báo*

mưa - Võ Quảng). Chú cóc hiện lên như một người bạn hiền lành, dễ mến: “Bốn chân nhỏ nhỏ/ Khiêng cái bụng to/ Áo sồi loang lổ/ Cóc ngồi hiền khô” (*Con cóc* - Nguyễn Lâm Thắng).

Trên tinh thần bình đẳng, tâm hồn trẻ em còn mở rộng khoan dung đón nhận và kết bạn với cả những hiện tượng ngỡ rất “khó yêu” bằng “lòng yêu mới”. Có thể kể đến những bài thơ tiêu biểu như *Bốn người* (Võ Quảng), *Bạn có biết mùa hè*, *Cộng trừ*, *Facebook*, *Tắc đường*... (Nguyễn Thế Hoàng Linh).

Trong suy nghĩ của nhiều người, mùa đông thường mang đến cảm giác lạnh lẽo, bị đối xử “thiên vị” hơn mùa xuân, mùa hạ, mùa thu. Võ Quảng đã giúp bạn đọc nhận ra không có mùa nào xấu, mỗi mùa đều có những đặc trưng, những vẻ đẹp riêng. Bốn mùa như bốn người chăm chỉ, đầy trách nhiệm để gìn giữ cho đất nước luôn luôn mới mẻ: “Thay ca đổi kíp/ Đổi mới non sông/ Xuân, Hạ, Thu, Đông/ Mỗi người một vẻ” (*Bốn người* - Võ Quảng).

Nguyễn Thế Hoàng Linh cũng có cách nhìn tương tự như vậy trong tập *Ra vườn nhặt nắng*. Bằng nhãn quan bè bạn của đồng dao, Nguyễn Thế Hoàng Linh đã sáng tạo nên thế giới tuổi thơ trong vắt dành tặng bạn đọc. Mỗi bài thơ mang đến một niềm vui phát hiện bất ngờ. Bao trùm lên tất cả là tinh thần khoan dung “rải nắng khắp cả tập thơ khiến đâu đâu cũng gặp ánh sáng của độ lượng, khoan hòa, thân ái” [3]. Mùa hè kèm theo nắng nóng dễ làm mọi người khó chịu, bị xem là “đáng ghét” thì trong thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh, nóng cũng rất thích và mùa hè là người bạn tốt mang nhiều niềm vui đến cho trẻ thơ: “Bạn có

biết mùa hè/ Thích nhất là cái nóng/ Nó làm
đỏ mề hôi/ Và làn da căng bóng/ Mùa hè
làm cho sổng/ Dắt vàng giữa biển xanh/
Mùa hè làm cho canh/ Ăn mát ơi là mát/
Mùa hè làm tiếng hát/ Hào hứng, khỏe
mạnh hơn/ Mùa hè sẽ cô đơn/ Nếu như ta
sợ nó/ Mùa hè như chó nhỏ/ Tung tăng ở
quanh ta/ Bạn là mùa hè à?/ Quệt mồ hôi,
chào bạn” (*Bạn có biết mùa hè*). Mê
facebook bình thường bị xem là điều dở
nhưng Nguyễn Thế Hoàng Linh lại nhìn
thấy mặt tích cực, đáng yêu: “Bà hay vào
facebook/ Bố mẹ cũng hay vào/ Cô chú và
các bác/ Cũng chả thiếu người nào/ Em
giận mọi người lắm/ Ít thời gian cho em/
Mà lại yêu facebook/ Hơn trẻ nhỏ yêu kem/
Nhưng bé ơi đâu biết/ Mình được mọi
người yêu/ Hàng ngày ảnh của bé/ Thu về
like rất nhiều” (*Facebook*). Hiệu lệnh giờ
tay cũng không còn đáng chán mà trở thành
bài thể dục vui vẻ: “Ai đã từng 9 tuổi/ Thì
xin mời giờ tay/ Ai đã từng 6 tuổi/ Giờ tay
cũng được này/ Ai đã từng 6 tuổi/ Cũng xin
mời giờ tay/ Giờ tay là thể dục/ Như với
cánh chim bay” (*Ai đã từng*). Ngón tay cái
làm phép tính cộng trừ sai nhưng các ngón
khác vẫn không trách giận: “Ngón cái thi
thoảng cộng sai/ Nhưng các ngón khác
chẳng ai trách gì” (*Cộng trừ*). Thậm chí hiện
tượng tắc đường cũng được nhìn bằng con
mắt vui vẻ bởi suy nghĩ thơ ngây: “Ở nhà mẹ
đang đợi/ Chắc sốt ruột lắm đây/ Bé nghĩ
những lúc đó/ Mẹ nên ngắm hàng cây” (*Tắc
đường*). Những câu thơ không cầu kì, hoa mỹ
mà tự nhiên, thiết thực: “Đó không phải lỗi
nói ngược với thói thường để độc đáo, lập dị.
Cũng không phải thỏa hiệp với khuyết
nhược để xuê xoa. Mà là tìm ra ở đó những
nét đáng yêu khác. Nghĩa là tiếp cận cuộc

đời này trên một quan niệm về giá trị khác.
Không lấy việc giáo huấn trẻ tuân theo
những giáo điều cứng nhắc làm trọng. Mà
nâng niu niềm khoan dung hồn hậu mới là
trọng” [6]. Đặt trong yêu cầu của nghệ thuật
giáo dục cho thiếu nhi, hoàn toàn có thể
khẳng định, đó là những bài thơ có giá trị,
thể hiện tinh thần thật nhân văn: nếu chúng
ta mở rộng lòng mình sẽ có thêm nhiều
người bạn mới và đón nhận nhiều niềm vui
trong cuộc sống.

Đặt bản thân mình bình đẳng với vạn vật,
trẻ em còn có thể tâm tình, trò chuyện, chia
sẻ với những đối tượng không phải là người.
Đây là hình thức phổ biến trong đồng dao.
Trẻ em thích sự vận động, hoạt bát, vui tươi,
thích giao tiếp đối thoại hơn độc thoại. Trẻ
thơ có thể nói chuyện với loài vật, đồ vật,
cây cối, vũ trụ bằng cách nói đầy biểu
cảm: con gà con gà, ông giăng ông giăng,
ông sao ông sao, ghé ọ ghé ơi, ghé ơi
ghé à... Đặc biệt, trong thơ ca dân gian nói
chung, đồng dao nói riêng thường xuyên sử
dụng cặp đại từ nhân xưng mày - tao. Ví dụ:
“Con mèo, con mèo, con meo/ Ai dạy mày
trèo, chẳng dạy em tao...”; “Con chim chích
chòe/ Mày ngồi đầu hè/ Mày nhá gạo
rang...”; “Cái cáo mặc áo em tao/ Làm tổ cây
cà/ Làm nhà cây chanh...”. Đây là cách xưng
hô thân mật của trẻ em, chưa có sự uốn nắn
và “kiểm duyệt” của người lớn, biểu hiện
tính dân chủ trong tư duy trẻ thơ.

Hình thức trò chuyện thân mật như trên
được nhiều nhà thơ thiếu nhi tiếp thu, vận
dụng nhuần nhuyễn, tự nhiên. Những bài thơ
như: *Cái nụ* (Định Hải), *Đánh thức trâu*,
Đánh tam cúc, *Sao không về Vàng ơi*, *Con
trâu đen lông mượt*, *Hỏi đường*, *Hương
nhân...* (Trần Đăng Khoa), *Khuyên bạn mèo*

ôm (Nguyễn Lâm Thắng), *Nói với cái u*, *Trò chuyện cùng mèo con*, *Dặn mèo* (Đỗ Nhật Nam) tiêu biểu cho cách thức thể hiện này. Những sự vật, hiện tượng vốn im lặng, vô tri vô giác nhưng nhờ lối trò chuyện thủ thi tâm tình bỗng trở nên gần gũi, thân thiết. Nụ hoa qua con mắt giàu tưởng tượng như những em bé xinh xắn, đáng yêu, biết vâng lời: “Cái nụ! Cái nụ/ Em ngủ đi mà/ Sáng mai dậy sớm/ Nở xòe bông hoa” (*Cái nụ* - Định Hải). Nụ hoa thật đẹp và dễ thương. Nụ hoa cũng cần ngủ như các em bé để sớm mai thức dậy “nở xòe” thành những bông hoa đẹp rực rỡ, tỏa hương thơm bát ngát.

Lối nói trò chuyện tâm tình cũng được Trần Đăng Khoa, Đỗ Nhật Nam sử dụng thành công trong nhiều bài thơ. Khảo sát *Góc sân và khoảng trời* (Trần Đăng Khoa) và *Đường xa con hát* (Đỗ Nhật Nam), chúng tôi nhận thấy quan niệm bạn bè bình đẳng, dân chủ còn được thể hiện qua khía cạnh độc đáo, đó là cách sử dụng thường xuyên cặp đại từ xưng hô ngôi thứ nhất mày - tao kiểu đồng dao (điều ít thấy trong thơ ca bác học). Bởi thế cách xưng hô mày - tao của Trần Đăng Khoa, Đỗ Nhật Nam vừa có nét tươi tắn, hồn nhiên vừa bổ sung thêm một kiểu xưng hô đời thường để thơ ca gần gũi với các em hơn.

Với *Góc sân và khoảng trời*, bạn đọc nhận thấy trong cảm nhận của Khoa, vạn vật xung quanh đều có thể được thi sĩ nhỏ tuổi trò chuyện, giao cảm, dốc bầu tâm sự. Khoa có thể kết bạn với một chú chó vàng (*Sao không về Vàng ơi?*), chuyện trò thân thiết với người bạn của nhà nông (*Con trâu đen lông mượt*) hay với cây trầu (*Đánh thức trầu*). Con mèo mướp là bạn cùng bé Giang chơi tam cúc (*Đánh tam cúc*). Khi thì Khoa trò chuyện và lắng nghe tâm sự của con

đường (*Hỏi đường*), lúc thì nhẹ nhàng xin hái lá trầu trong đêm (*Đánh thức trầu*).

Đánh thức trầu là bài thơ đặc biệt, khúc xạ tín ngưỡng dân gian: phải chăm sóc, chiều chuộng cây trầu. Khi trầu đã ngủ, không được hái vì sợ trầu lụi, sẽ mất đi sự may mắn, sung túc. Muốn hái phải thức nó dậy. Vậy mà cậu bé trong bài thơ bị đặt vào tình huống: buổi tối bà đến thăm nhà và bà muốn có mấy lá trầu. Trước hoàn cảnh khó xử ấy, cậu bé đã nhẹ nhàng thực hiện một nghi lễ xin hái lá trầu trong đêm. Lời thơ như tiếng chuyện trò thủ thi: “Đã ngủ rồi hả trầu/ Tao đã đi ngủ đâu/ Mà trầu mày đã ngủ”. Đây không phải là cách giao đãi của con người với loài cây vô tri mà là mối quan hệ tình nghĩa giữa hai người bạn ngang hàng, bình đẳng. Cây trầu cũng biết cảm giác, “nghe” được tiếng tâm tình của con người: “Lá nào muốn cho tao/ Thì mày chia ra nhé/ Tay tao hái rất nhẹ/ Không làm mày đau đâu”. Dịu dàng nâng niu từng lá trầu bé bỏng, hái một lá cũng sợ trầu đau, đây cũng là cách con người đối xử với con người.

Tư duy hồn nhiên ấy một lần nữa ta lại bắt gặp trong thơ Đỗ Nhật Nam. Thơ Nam có thể coi là tiếng thơ đại diện cho thiếu nhi thời vi tính. Chủ thể trữ tình hiện lên qua mỗi bài thơ rất tự tin, hiện đại. Trong thế giới của em, tất cả sự vật, con vật đều được thổi vào đó một linh hồn, có thể tạo ra những mẫu đối thoại đáng yêu. Cuộc trò chuyện giữa Nam và cái u trên trán bố vừa dí dỏm vừa sâu lắng bởi tình cảm của một người con hiếu thảo. Nam dặn dò cái u vì sợ nó làm đau bố: “Đừng có mà làm khó/ Đừng có mà làm đau/ Đừng có mà lớn mau/ Nằm yên thôi, nhớ nhé!” (*Nói với cái u*). Chú mèo con hiện lên trên trang thơ của Nam như một người bạn nhỏ có cảm xúc,

biết yêu ghét, ai oán, gắn bó nhiều kỉ niệm nghịch ngợm của tuổi thơ: “Khi tao chưa đi xa/ Mà ghét tao nhiều nhất/ Tao hay đi chân đất/ Tương bóng vào đầu mày/ Mày kêu: Oái ngoeo ngoeo/ Nhìn tao đây ai oán/ Mặc kệ mày chán nản/ Tao cứ chơi âm âm” (*Trò chuyện cùng mèo con*). Trêu chọc, tếu táo là vậy nhưng khi đi học xa nhà, Nam ân cần dặn dò bạn ở nhà thay mình an ủi mẹ, làm mẹ vui: “Mèo ơi nhớ chưa nào/ Tao giao cho mày đó/ Đừng làm mẹ nhăn nhó/ Rơi nước mắt hàng ngày/ Mày phải biết tỏ bày/ Phải làm trò lí lắc/ Làm cho mẹ nín khóc/ Và mẹ sẽ cười hiền” (*Dặn mèo*).

Nhìn chung, thế giới bạn bè bình đẳng, không định kiến được xây dựng trong thơ thiếu nhi đã góp phần hình thành trong tâm hồn trẻ những cảm xúc phong phú, hướng các em đến lối sống hòa đồng, nhân ái, bao dung. Vấn đề tưởng như trừu tượng nhưng được các tác giả diễn đạt giản dị, gần gũi với phong vị đồng dao nên dễ hiểu, phù hợp với tâm lí tuổi thơ.

4. Thế giới yêu thương, nâng đỡ, làm đẹp cho nhau

Trong đồng dao, thế giới vạn vật ít được tái hiện trong trạng thái đơn lẻ mà luôn đông đúc, quây quần. Tất cả đứng bên nhau trong mối tương giao gần gũi. Các em vui chơi thì chim chóc cũng vui chơi, các em tập đánh trận thì cũng hình dung chim tụ hội lại thành quân ngũ chinh tề xung trận: “Tùng, tùng, tùng.../ Đánh ba tiếng trống/ Sắp quân cho chinh/ Phụng hoàng thống lĩnh/ Bạch hạc điệp đồng/ Bên phải thời chim/ Bên trái thời sếu...”. Các loài chim có thể đứng bên nhau, con là dì, con là cậu, con là

em, con là chú, con là bác: “Bồ các là bác chim ri/ Chim ri là dì sáo sậu/ Sáo sậu là cậu sáo đen/ Sáo đen là em tu hú/ Tu hú là chú bồ các/ Bồ các là bác chim ri”.

Từ tư duy đồng dao phóng chiếu vào thơ thiếu nhi, thế giới bè bạn được tái hiện không chỉ mang vẻ đẹp thân thiện, bình đẳng mà còn rất mực vô tư, trong sáng, được dệt nên từ những tình cảm yêu thương. Tình bằng hữu không chỉ thể hiện trong tương quan giữa vạn vật với vạn vật mà còn được hiểu là tình cảm yêu thương, chia sẻ giữa vạn vật với con người và ngược lại.

Lấy cảm hứng từ vẻ đẹp đôi bàn tay con trẻ, bài thơ *Hai bàn tay em* của Huy Cận mang hơi thở đồng dao, vang lên như khúc ca mượt mà, thánh thót. Đôi bàn tay xinh xắn tựa “hoa đầu cành” luôn đồng hành cùng bé trong mọi khoảnh khắc thời gian, mọi công việc. Thế nhưng đôi bàn tay không phải lúc nào cũng hòa thuận, nhiều khi chúng cũng hờn giận, tranh công: “Hai bàn tay em/ Có lúc cãi nhau/ Và cơm viết chữ/ Tay mặt công lao/ Tay mặt tự hào/ Gánh bao việc nặng/ Cả giờ tay chào/ Như măng mọc thẳng”. Giận dỗi nhưng chẳng được lâu: “Tay trái nó dỗi/ Ngoảnh mặt quay lưng/ Nhưng rồi thương bạn/ Lại làm việc chung/ - Cùng khiêng chiếc ghế/ Ai nắm, ai dừng/ Chung bát cơm nhé/ Anh và tôi bưng”. Tuy không tả trực tiếp nhưng qua hình ảnh đôi bàn tay, Huy Cận đã khéo léo lột tả tình bạn trong thế giới trẻ thơ. Hai bàn tay cũng như hai người bạn nhỏ hồn nhiên, trong sáng, dễ giận nhưng cũng dễ quên. Bỏ qua tất cả, vẫn là những người bạn tốt ở bên nhau, giúp đỡ nhau: “Rồi khi vui vầy/ Tay cùng vỗ tay”. Phải là người có con mắt quan sát tinh tế, có tấm lòng yêu thương trẻ

thơ vô hạn mới có thể phát hiện ra điều giản dị mà có ý nghĩa sâu sắc như vậy.

Gắn bó với cội nguồn văn hóa làng quê, đồng dao có nhiều bài thể hiện tình cảm thân thiết, yêu thương dành cho những con vật gắn bó với công việc nhà nông, tiêu biểu như con cò, con trâu, con nghé. Trong thơ thiếu nhi, tình cảm đó vẫn được thể hiện vừa xúc động vừa dung dị, tự nhiên.

Nếu trong ca dao, con cò thường xuất hiện với bóng dáng lầm lũi, tội nghiệp thì trong đồng dao, con cò được “trẻ thơ hóa” thành “cái cò con”, “cái cò vàng” thật đẹp đẽ, đáng yêu: “Cái cò là cái cò vàng/ Mẹ bé yêu bé bé càng làm thơ”. Con cò từ câu hát đồng dao xưa hôm nay vẫn bay bổng trong lời ru của mẹ. Cánh cò trắng thanh khiết đến đậu vành nôi vỗ về trên hàng mi em bé đưa em vào giấc ngủ yên: “Từ khi bé Hoa ra đời/ Con cò về đậu vành nôi dèo mềm/ À ơi... lời mẹ cất lên/ Dẫu mưa gió với đêm đen kín trời/ Con cò vẫn đến vành nôi/ Chập chờn cánh trắng vỗ hoài trong mơ” (*Khi bé Hoa ra đời* - Nguyễn Đức Mậu).

Trong thơ thiếu nhi, hình ảnh con trâu, con nghé xuất hiện cùng với tình cảm thương yêu như thế. Từ môi trường diễn xướng trong lao động, trẻ mục đồng xưa có riêng cho mình một chùm đồng dao *Gọi nghé*. Những chú nghé con bé nhỏ được các em gọi với tình cảm thiết tha, trù mến: “Con nghé nhà ta/ Nghé ọ nghé ơi/ Nghé bầu nghé bạn/ Nghé bông nghé hoa/ Nghé bông nghé bông/ Nghé đẹp nghé yêu/ Nghé hành nghé hệ”... Nghé được ví “như bông như hoa”, “như ổi chín trên cành”, “như mây chín chùm”, “như chum đựng nước”, “như lược chải đầu”... thật sinh động, ngộ nghĩnh, đúng “chất” trẻ thơ. Con nghé cũng

như các em, cần bàn tay chăm sóc, chiều chuộng, vỗ về: “O hò o hệ/ Nghé đi theo mẹ/ Đừng có chạy rông/ Giậm nát lúa đồng/ Về nhà mẹ giặt” (*Bài ca gọi nghé* - Võ Văn Trực). Võ Văn Trực mang đến cho bạn đọc cảm giác thân thuộc ngay từ nhan đề: *Bài ca gọi nghé*. Hình ảnh chú nghé trong bài thơ này mang bóng dáng của chú nghé bước ra từ khúc đồng dao: “Nghé hành nghé hệ/ Nghé chả theo mẹ/ Thì nghé theo đàn/ Nghé chớ đi càn/ Kẻo gian nó bắt...”.

Hình ảnh *Con nghé* hiện lên qua trang thơ Võ Quảng với vẻ đẹp hồn nhiên, đáng yêu, phảng phất bóng dáng của những chú “nghé bông nghé hoa” thuở nào: “Con nghé của ta/ Nghé bông nghé hoa/ Nhảy nhót kêu la:/ - Nghé ọ! Nghé ẹ!/ Ó mẹ! Ó mẹ!/ Mau đi gặm cỏ/ Mau đi uống sương!/ Mau đi ra nương!”. Nhịp thơ nhanh, câu trước xô xuống câu sau với giọng điệu vui tươi khắc họa hình ảnh con nghé nghịch ngợm, hiếu động, thích chạy nhảy vui đùa như các em nhỏ nhưng chú ta cũng đầy trách nhiệm với công việc: “Việc nghé thích nhất/ Là được kéo cày”.

Con nghé là bạn tốt của con người nên khi mùa đông đến, em bé thương nghé chịu lạnh đứng co ro: “Bé chột trông/ Kìa chú nghé/ Đứng run run/ Nhìn mãi bé” (*Ấm cả hai* - Định Hải). Tâm hồn trẻ thơ thật hồn nhiên mà cũng thật đẹp. Thương nghé không có áo ấm, bé chạy vội lại che chắn chuồng nghé cho kín gió, lấy bao tải khoác cho nghé đỡ lạnh: “Bé chạy ra mau/ Che chuồng kín lại/ Nghé khoác bao tải/ Đã ấm chưa nào?” (*Ấm cả hai* - Định Hải).

Con trâu đen lông mượt trong thơ Trần Đăng Khoa được khắc họa với vẻ đẹp khỏe khoắn: “Con trâu đen lông mượt/ Cái sừng

nó vênh vênh/ Nó cao lớn lênh khênh/ Chân đi như đập đất”. Từ chỗ thấu hiểu nỗi vất vả cũng như công lao to lớn của con trâu với công việc đồng áng nhà nông, Khoa ân cần chăm sóc cho nó như chăm sóc một người thân: “Trâu ơi ăn cỏ mật/ Hay là ăn cỏ gà.../ Trâu ơi uống nước nhá/ Đây rồi nước mương trong.../ Bờ mương xanh mượt cỏ/ Của trâu đấy, tha hồ”.

Cách xưng hô “trâu ơi” bình dị như lời nói dân gian mà chứa đựng trong đó biết bao tình cảm yêu thương thân thiết, ấm áp tình người. Giọng thơ thân mật khiến bạn đọc có cảm giác như Khoa đang trò chuyện với người bạn thân thiết. Hai câu cuối cùng kết thúc bài thơ vừa cho thấy tình cảm gần bó vượt khỏi ranh giới người - vật vừa thể hiện tư duy ngộ nghĩnh của một em bé làm thơ: “Hiểu ý ta, trâu cười/ Nhe cả hàm răng sún”.

Trong thế giới tình bạn, các nhà thơ luôn để vạn vật đứng bên nhau, cùng tôn vinh, làm đẹp cho nhau. Có thể dẫn chứng một số bài thơ như *Rong và cá*, *Hoa và bướm*, *Tre* (Phạm Hồ), *Hoa mơ* (Ngô Quân Miện), *Vườn em* (Trần Đăng Khoa), *Hoa bìm bìm* (Nhược Thủy)... Trong những bài thơ này, sự vật thường được đặt trong quan hệ tương tác hai chiều, tạo thành những cặp phạm trù không thể tách rời. Bông hoa và cánh bướm gắn kết về nên bức tranh đẹp mắt: “Hoa ngẩng cao đầu/ Suốt ngày không mỏi/ Bướm bay! bướm bay/ Như nhờ gió thổi” (*Hoa và bướm* - Phạm Hồ). Tre và bóng là cặp tri âm thấu hiểu nhau: “Tre cho bóng dờn/ Trên lưng bò vàng/ Bây giờ tre mệt/ Bóng nằm ngủ ngoan” (*Tre* - Phạm Hồ). Đặc biệt, với bài thơ *Rong và cá*, Phạm Hồ giúp chúng ta thấm thía hơn về mối quan hệ biện chứng của các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống. Bài thơ mở đầu bằng hình ảnh

cô rong khoác trên mình chiếc áo xanh “như tơ nhuộm”: “Có cô rong xanh/ Đẹp như tơ nhuộm/ Giữa hồ nước xanh/ Nhe nhàng uốn lượn”. Khung cảnh thật đẹp và càng trở nên lãng mạn hơn bởi sự xuất hiện của đàn cá nhiều màu sắc: “Một đàn cá nhỏ/ Đuôi đỏ lụa hồng”. Sự mượt mà của rong được so sánh với “tơ nhuộm”, sự mềm mại của cá được ví với “lụa hồng”. Rong xanh - cá hồng cân đối, hài hòa. Vẻ đẹp của rong thực sự hấp dẫn đàn cá nhỏ nhưng chính vẻ đẹp của cá cũng góp phần làm rạng rỡ cho rong: “Một đàn cá nhỏ/ Đuôi đỏ lụa hồng/ Quanh cô rong đẹp/ Múa làm văn công”. Bài thơ ngắn nhưng vẽ nên bức tranh sinh động với đủ màu sắc, đường nét. Một hồ nước trong có rong xanh, cá hồng quần quýt bên nhau, làm tôn vẻ đẹp cho nhau. Rõ ràng, rong và cá chỉ đẹp khi chúng đứng cạnh nhau và cùng ở trong một hồ nước.

Hoa mơ - gà vàng tưởng như chẳng liên quan đến nhau, vậy mà Ngô Quân Miện đã “sắp xếp” hai đối tượng này trong bài thơ giàu tính hội họa và âm nhạc, đậm chất đồng dao: “Gốc mơ già/ Hoa nở trắng/ Con gà vàng/ Nằm sưởi nắng/ Con gió đến/ Rung cành cây/ Hoa bay bay/ Trận mưa trắng/ Gà nằm lặng/ Nghe hoa rơi/ Nghe hương mật/ Thơm bầu trời/ Lưng phủ đầy/ Hoa trắng xóa/ Gà vàng hóa/ Gà hoa mơ/ Nhặt hạt ngô/ Em bước nhẹ/ Tặng hoa mơ/ Ăn chóng đẻ” (*Hoa mơ*). Bài thơ vẽ ra hoạt cảnh chị gà vàng đang nằm im sưởi nắng bỗng có một trận mưa trắng của những cánh hoa mơ rơi xuống, đắp lên lưng. Trong phút chốc, chị mái vàng đã thành một chị hoa mơ. Những màu sắc: trắng (hoa mơ), vàng (của nắng), vàng (chị gà) đan xen tạo ra sự chuyển động, biến hóa (gà vàng thành gà hoa mơ) thật lôi cuốn, hấp dẫn. Chị gà vàng được cây mơ già tặng cho trận mưa hoa, để làm đẹp thêm bộ cánh, được em bé nhặt

ngô đem cho ăn. Bức tranh gà này vừa tạo ra sự tình cờ nên thơ vừa chan hòa tình yêu thương giữa cây cỏ, loài vật, con người.

Nhược Thủy trong bài *Hoa bìm bìm* cũng khắc họa mối quan hệ tương giao đáng yêu như thế. Sự vật đứng bên nhau, tô điểm cho vẻ đẹp của nhau. Hoa bìm bìm khoe màu tím đẹp nhưng phải nhờ cánh bướm đến đậu mới trở nên sống động “rung rinh”. Ngược lại, nhờ có hoa mà màu vàng cánh bướm càng thêm nổi bật giữa khu vườn: “Có dây bìm bìm/ Mọc bên bờ đậu/ Bướm vàng đến đậu/ Hoa tím rung rinh”.

5. Kết luận

Thế giới vạn vật bằng hữu trong thơ thiếu nhi được thể hiện thật hồn nhiên, trong sáng, góp phần làm giàu có tâm hồn trẻ thơ. Thế giới bao quanh các em không chỉ được nhân hóa để trở nên sống động như người mà các tác giả còn hướng các em đến ý nghĩa nhân văn hơn của tình bạn: vạn vật đáng yêu, đáng mến, đáng để các em kết bạn, đáng được đối xử bằng tấm lòng trân trọng, nhân ái, bao dung của con người với con người. Xét đến cùng, “thơ văn sẽ chẳng là gì, nếu không phải là sự cất tiếng của yêu thương để bồi đắp cái gốc yêu thương cho con người” [6].

Chú thích

² Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học công nghệ của Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2 cho đề tài mã số HPU2.CS-2021.08.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thuý Loan - Đặng Diệu Trang - Nguyễn Huy Hồng - Trần Hoàng (1997), *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
- [2] J. Piaget (2016), *Sự hình thành biểu tượng ở trẻ em: bắt chước, trò chơi và giấc mơ, hình ảnh và biểu trưng*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [3] Vũ Anh Tuấn (Chủ biên) - Phạm Thu Yến - Nguyễn Việt Hùng - Phạm Đăng Xuân Hương (2012), *Giáo trình Văn học dân gian*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Khắc Viện (1991), *Tâm lý trẻ em hiểu theo phân tâm học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] L.X. Vugôtxki (1981), *Tâm lý học nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] <https://toquoc.vn/ra-vuon-nhat-nang-va-giot-suong-tho-99171498.htm>, truy cập ngày 2/1/2021.